BẢN ĐỒ VỊ TRÍ VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ TỈNH

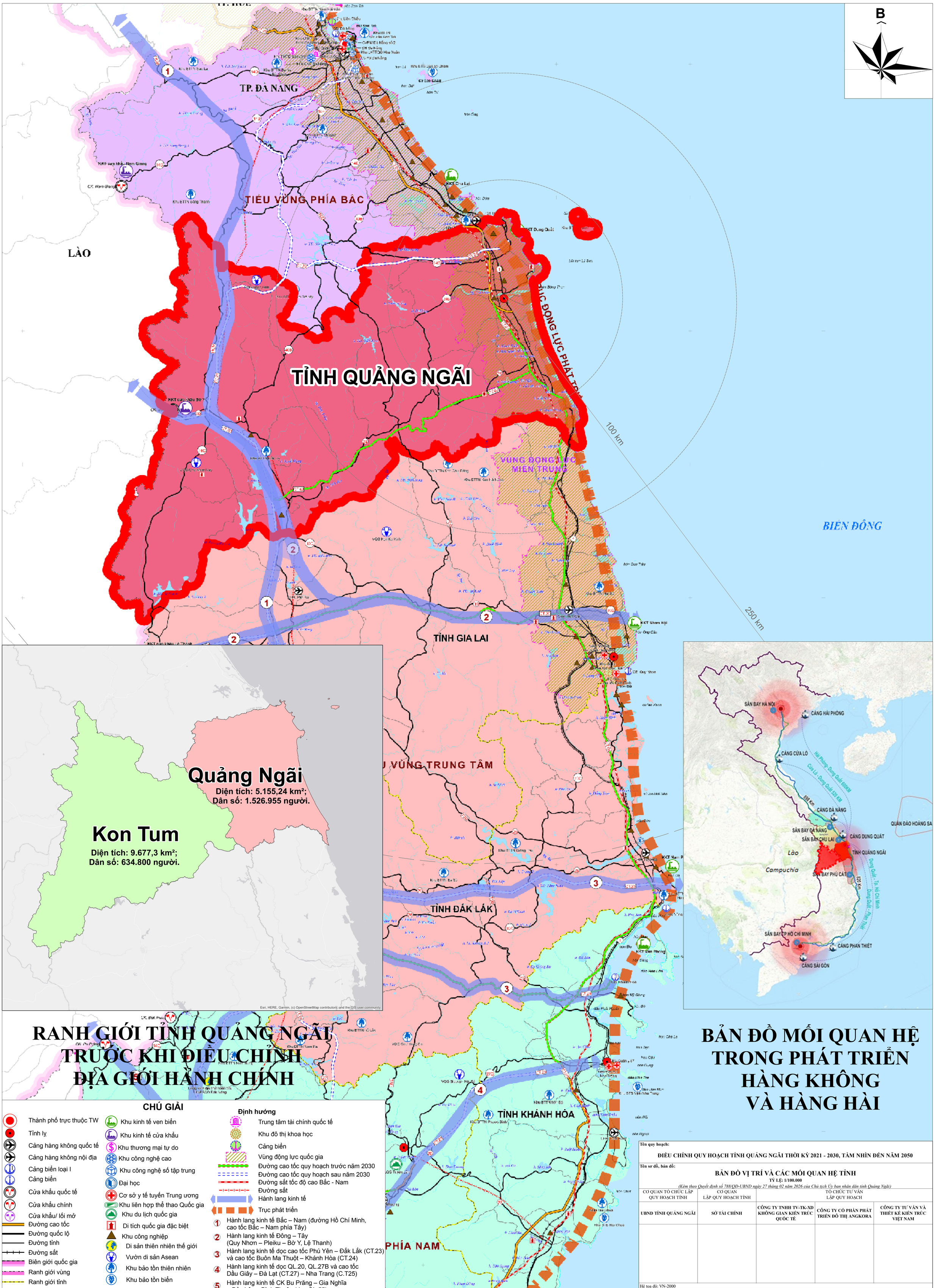

RANH GIỚI TỈNH QUẢNG NGÃI TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

BẢN ĐỒ MỐI QUAN HỆ TRONG PHÁT TRIỂN HÀNG KHÔNG VÀ HÀNG HẢI

CHÚ GIẢI

- Thành phố trực thuộc TW
- Tỉnh lỵ
- Cảng hàng không quốc tế
- Cảng hàng không nội địa
- Cảng biển loại I
- Cảng biển
- Cửa khẩu quốc tế
- Cửa khẩu chính
- Cửa khẩu/ lối mở
- Đường cao tốc
- Đường quốc lộ
- Đường tỉnh
- Đường sắt
- Biên giới quốc gia
- Ranh giới vùng
- Ranh giới tỉnh
- Khu kinh tế ven biển
- Khu kinh tế cửa khẩu
- Khu thương mại tự do
- Khu công nghệ cao
- Khu công nghệ số tập trung
- Đại học
- Cơ sở y tế tuyến Trung ương
- Khu liên hợp thể thao Quốc gia
- Khu du lịch quốc gia
- Di tích quốc gia đặc biệt
- Khu công nghiệp
- Di sản thiên nhiên thế giới
- Vườn di sản Asean
- Khu bảo tồn thiên nhiên
- Khu bảo tồn biển

Định hướng

- Trung tâm tài chính quốc tế
- Khu đô thị khoa học
- Cảng biển
- Vùng động lực quốc gia
- Đường cao tốc quy hoạch trước năm 2030
- Đường cao tốc quy hoạch sau năm 2030
- Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam
- Đường sắt
- Hành lang kinh tế
- Trục phát triển

1. Hành lang kinh tế Bắc – Nam (đường Hồ Chí Minh, cao tốc Bắc – Nam phía Tây)
2. Hành lang kinh tế Đông – Tây (Quy Nhơn – Pleiku – Bờ Y, Lệ Thanh)
3. Hành lang kinh tế dọc cao tốc Phú Yên – Đắk Lắk (CT.23) và cao tốc Buôn Ma Thuột – Khánh Hòa (CT.24)
4. Hành lang kinh tế dọc QL.20, QL.27B và cao tốc Dầu Giây – Đà Lạt (CT.27) – Nha Trang (C.T25)
5. Hành lang kinh tế CK Bu Prăng – Gia Nghĩa – Bảo Lộc – Bình Thuận (dọc QL.55)

Tên quy hoạch:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Tên sơ đồ, bản đồ:

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ TỈNH

TỶ LỆ: 1/100.000

(Kèm theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH TỈNH	CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH TỈNH	TỔ CHỨC TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH		
UBND TỈNH QUẢNG NGÃI	SỞ TÀI CHÍNH	CÔNG TY TNHH TV-TK-XD KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC QUỐC TẾ	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ANGKORA	CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM

Hệ toạ độ: VN-2000

Nguồn tài liệu: Sở Tài chính

Mã số bản đồ: 1

Tỷ lệ xích: 0 120 240 480 Km